

THUYẾT "KIÊM ÁI": NỘI DUNG, GIÁ TRỊ VÀ Ý NGHĨA ĐỐI VỚI VIỆC XÂY DỰNG ĐẠO ĐỨC Ở NƯỚC TA

NGUYỄN VĂN HIỀN (*)

Bài viết trình bày một số nội dung cơ bản trong thuyết "kiêm ái" của Mặc Tử. Đây là chủ thuyết trung tâm của Mặc Tử mà từ đó, các luận thuyết khác của ông suy toả ra, vun đắp vào. Từ việc chỉ ra cốt lõi của "kiêm ái" là yêu thương nhau, bài viết trình bày tư tưởng của Mặc Tử về việc thực hành "kiêm ái", qua đó chỉ ra ý nghĩa nhân bản và tiến bộ của thuyết này. Cuối cùng, bài viết nêu lên ý nghĩa của tinh thần kiêm ái đối với việc giải quyết các vấn đề xã hội ở Việt Nam hiện nay.

Mặc Tử (khoảng 478 - 392 trước CN.) là người sáng lập Mặc gia - một trong sáu hệ phái triết học lớn của Trung Hoa cổ đại, nổi sáng ở thời Chiến Quốc, sang đến đời Hán thì chấm dứt, nhưng đến cuối đời Minh, đầu đời Thanh lại được phục hưng. Ông là người thuộc tầng lớp bình dân, sản xuất nhỏ. Từ chỗ cảm thông và lo âu với lớp dân nghèo khổ, ông chủ trương theo Hạ Lễ, kêu gọi thực hành thuyết "kiêm ái", xem đó là phương sách cứu cánh xã hội Trung Hoa thời Xuân Thu - Chiến Quốc từ hỗn loạn, suy vong đến thái bình thịnh trị. Thuyết "kiêm ái" - chủ thuyết đạo đức cơ bản của Mặc Tử, với tư tưởng chủ đạo là khởi xướng và xây dựng tình yêu thương con người, tình đồng loại, hàm chứa những giá trị nhân bản sâu sắc, quyện bền vào tâm thức của con người từ nhiều thế hệ.

Theo Mặc Tử, thiên hạ trị hay loạn, xã tắc yên hay nguy đều từ nguồn gốc sâu xa là có hay không việc thực hành "kiêm ái".

Có thể nói, "kiêm ái" là chủ thuyết trung tâm của Mặc Tử, các luận thuyết khác đều từ đây suy toả ra, cũng như vun đắp vào.

Sách *Mặc Tử* có ba thiên bàn về "kiêm ái" (Kiêm ái thượng, trung, hạ). Theo Mặc Tử, "kiêm" là gồm gộp lại hết thảy cho nhau, trái với "biệt" là chia rẽ, phân biệt nhau. Còn "ái" là lòng yêu thương con người, trái với "ô" là sự thù ghét lẫn nhau. Theo đó, "kiêm ái" trước hết là gồm yêu hết thảy mọi người. Nếu như Khổng Tử chủ trương "yêu thương người thân, quý trọng người sang", thì sự yêu thương của Mặc Tử đã vượt qua giới hạn phân chia giai cấp, phân biệt mình - người, thân - sơ, quý - tiện. Không chỉ trong tư tưởng, mà chính hành động nghĩa hiệp trong suốt cuộc đời của ông đã nói lên điều đó.

Vì sao phải yêu thương nhau? Theo Mặc Tử, căn nguyên của sự chiến tranh

(*) Giảng viên Trường Cao đẳng Sư phạm Gia Lai, Pleiku-Gia Lai.

hỗn loạn là do không yêu thương nhau, hiềm thù nhau mà ra. Mặc Tử nói: “Thử xét loạn ở đâu ra? Ở chỗ không biết yêu nhau mà ra. Tôi con không hiếu với vua cha, gọi thế là loạn. Con chỉ yêu mình không yêu cha, cho nên mới làm thiệt cha để lợi cho mình, em chỉ yêu mình không yêu anh, cho nên mới làm thiệt anh để lợi cho mình. Bề tôi chỉ yêu mình không yêu vua, cho nên mới làm thiệt vua để lợi cho mình, thế gọi là loạn. Dẫu đến cha không thương con, anh không thương em, vua không thương bề tôi, cũng là những điều thiên hạ vẫn gọi là loạn. Cha chỉ yêu mình không yêu con, cho nên mới làm thiệt con để lợi cho mình; anh chỉ yêu mình không yêu em, cho nên mới làm thiệt em để lợi cho mình; vua chỉ yêu mình không yêu bề tôi, cho nên mới làm thiệt bề tôi để lợi cho mình. Dẫu đến kẻ trộm giặc thiên hạ cũng vậy. Kẻ ăn trộm chỉ yêu nhà mình không yêu nhà khác, cho nên mới ăn trộm nhà khác để làm lợi cho nhà mình; kẻ làm giặc chỉ yêu thân mình mà không yêu thân người, cho nên mới hại người khác để làm lợi cho thân mình... Dẫu đến các quan đại phu làm loạn nhà nhau, các nước chư hầu đánh lẫn nước nhau cũng vậy. Các quan đại phu đều yêu nhà mình không yêu nhà khác, cho nên mới làm loạn nhà khác để làm lợi nhà mình; các nước hầu đều yêu nước mình không yêu nước khác, cho nên mới đánh nước khác để làm lợi cho nước mình. Các vật gây loạn cho thiên hạ đều thế thôi”(1).

Vậy nên, theo Mặc Tử, để giải cứu cho cảnh hỗn loạn của xã tắc, sự tranh cướp

nhau, làm hại nhau, bắt nạt nhau, khinh rẻ nhau, lừa phỉnh nhau thì con người phải từ bỏ cái “biệt”, cấm chỉ thù ghét nhau, khuyến khích yêu thương nhau. Ở thiên *Kiên ái thượng*, Mặc Tử nói: “Nếu như thiên hạ gồm cùng yêu nhau, ai ai cũng yêu cha anh và vua như yêu thân mình, ghét làm những điều bất hiếu, coi con em và bề tôi như yêu thân mình, ghét làm những điều bất từ, thì sự bất hiếu, bất từ sẽ không còn nữa. Còn có trộm giặc nữa chăng? Đã coi nhà người như nhà mình, thì ai ăn trộm? Đã coi thân người như thân mình, thì ai làm giặc? Đã coi nước người như nước mình thì ai đánh nhau? Cho nên cái nạn làm loạn nhà nhau, chư hầu đánh lẫn nước nhau sẽ không còn nữa. Nếu như thiên hạ đã gồm yêu nhau, nước nọ với nước kia không đánh lẫn nhau, nhà nọ với nhà kia không làm loạn nhau, trộm giặc không có, vua tôi cha con đều hiếu từ, như thế thì thiên hạ trị. Cho nên, thánh nhân làm việc cai trị thiên hạ, không thể không cấm chỉ sự ghét nhau và khuyến khích sự yêu nhau”(2).

Cốt lõi của “kiên ái” là yêu thương nhau. Vậy nên, “kiên ái” cũng có nghĩa là nhân nghĩa. Người nhân nghĩa là người thực hiện kiên ái, tức là người có lòng nhân nghĩa, ngăn cản mọi sự căm ghét, hóa giải thù hằn nhau, khuyên con người yêu thương lẫn nhau.

Theo thuyết “kiên ái”, sự yêu thương nhau sẽ loại trừ tai họa cho thiên hạ, vì

(1) Ngô Tất Tố. *Mặc Tử*. Khai Trí, Sài Gòn, 1959, tr.83-84.

(2) Ngô Tất Tố. *Mặc Tử*. Sđd., tr.88-89.

khi thương yêu nhau, họ sẵn sàng xả thân giúp đỡ lẫn nhau, làm lợi cho nhau. Ví như kẻ sĩ thực hành “kiêm ái” trở thành cao sĩ trong thiên hạ là “vì thân bạn như thân mình”, họ “thấy bạn đói thì cho ăn, rét thì cho mặc, ốm đau thì thăm nuôi, chết thì chôn cất”(3). Hoặc, vua thực hành kiêm ái “trước phải vì thân muôn dân, sau mới vì đến thân mình... là bậc minh quân trong thiên hạ. Bậc minh quân đó thấy dân đói thì cho ăn, rét thì cho mặc, đau ốm thì thăm nuôi, chết mất thì chôn cất”(4). Thực hành “kiêm ái” còn làm cho “những người già nua không vợ con, có kẻ hầu nuôi cho trọn tuổi thọ, những kẻ nhỏ yếu mồ côi không cha mẹ, có chỗ nương tựa cho lớn cái thân”(5),... Từ đó, có thể thấy, ngoài nhân nghĩa, “kiêm ái” còn có nội dung “lợi”. “Kiêm ái” mang lại cái lợi cho người thực hành nó và cho người khác, cho xã hội, đó là công lợi – “làm lợi cho hết thảy mọi người như nhau” và cuối cùng, cái lợi lớn nhất là quốc thái dân an, thiên hạ thái bình thịnh vượng. “Kiêm ái” phải vì công lợi và công lợi chính là tiêu chí để xét xã hội có thực sự “kiêm ái” hay không. Đó chính là chủ trương dùng “kiêm tương ái, giao tương lợi” thay thế cho “biệt tương ố, giao tương tặc” của Mặc Tử.

Yêu thương, làm lợi cho cả thiên hạ - lý tưởng mà “kiêm ái” vạch ra - quả là có ý nghĩa và công dụng to lớn, nhưng liệu nó có thực hành được chăng trong cái xã hội tranh đoạt khốc liệt từng ngày “đánh nhau giành đất thầy chết thầy đầy đất, đánh nhau giành thành thầy chết thầy thành” thời ông? Người đời bảo rằng khó thực

hiện lắm, chẳng khác nào như xách núi Thái Sơn nhảy qua sông Hoàng, sông Tề. Mặc Tử biện thuyết rằng: “Nâng núi Thái Sơn vượt Hoàng Hà, Tề Thủy phải mất bao nhiêu là sức lực! Xưa nay chưa ai làm nổi! Việc yêu thương giúp đỡ lẫn nhau hoàn toàn khác cái đó. Tứ vị thánh nhân xưa như Hạ Vũ, Thang Thương, Chu Văn Vương, Chu Vũ Vương đều đã từng làm, cho nên yêu thương giúp đỡ lẫn nhau không phải là không làm được”(6). Ví như vua Vũ nhà Hạ tự thân cầm sọt, cuốc, dẫn dân chúng đi chống lũ, khơi thông sông ngòi, nối liền các sông ngòi. Ông đã vượt trăm sông nghìn núi, mưa gió dầm dề, gió thổi rụng tóc, đi đến mức teo hết các cơ đùi, lông chân trơ trụi hết. Hoặc như Thang vương khẩn cầu Thượng đế miễn trừ tai họa cho chúng sinh, xin nhận hết tội lỗi về thân mình(7)... Ở đây, Mặc Tử đã khôn khéo viện dẫn hình ảnh của các bậc hiền quân xưa để làm tấm gương minh chứng.

Theo Mặc Tử, thực hành “kiêm ái” không có gì khó cả, vấn đề là ở chỗ các bậc bề trên, bậc quân vương có muốn, có thích làm hay không. Ông nói: “Ngay cả đánh nhau giành thành, tự giết mình để giữ danh tiếng, đó là việc làm trăm họ đều cho là khó nhưng khi vua đã muốn thì bề tôi vẫn làm được, huống hồ thương

(3) Ngô Tất Tố. *Mặc Tử*. Sdd., tr.94.

(4) Ngô Tất Tố. *Mặc Tử*. Sdd., tr.95.

(5) Ngô Tất Tố. *Mặc Tử*. Sdd., tr.91.

(6) *Mặc Tử – ông tổ của đức kiên nhẫn*, (biên soạn: Giang Ninh, biên dịch: Lê Văn Sơn, hiệu đính: Trần Kiết Hùng), Nxb Đồng Nai, 1995, tr.109.

(7) Xem: *Mặc Tử – ông tổ của đức kiên nhẫn*. Sdd., tr.109-111.

yêu nhau, làm lợi cho nhau chẳng giống đánh thành, giết mình. Yêu người thì người yêu lại mình. Làm lợi cho người thì người làm lợi cho mình. Cái đó đâu có khó. Chỉ vì các bậc bề trên không muốn đưa nó thành việc chính sự, kẻ sĩ không muốn đưa nó thành một đức hạnh nên mới không thực hiện được mà thôi”(8). Ở đây, theo Mặc Tử, “kiêm ái” phải trở thành đạo lý trước hết của bậc thánh nhân, vì nó quyết định đến trị hay loạn của thiên hạ. Đây là tư tưởng rất hay của Mặc Tử, thông qua các bậc quân vương, mượn chính trị làm phương tiện để truyền bá và thực hành “kiêm ái”. Với ông, vua càng nhân từ thì tôi càng trung và ngược lại, cha càng hiền thì con càng hiếu và ngược lại, con người càng yêu thương nhau thì hiểm thù, tranh đoạt nhau và hậu quả của nó càng bị loại bỏ.

Có thể nói, “kiêm ái” là sợi chỉ đỏ xuyên suốt cả cuộc đời và tư tưởng của Mặc Tử. Chính nó đã đem lại sự nổi tiếng cho bản thân Mặc Tử và học phái Mặc gia. Người đương thời nườm nượp đổ về theo Mặc Tử. Mạnh Tử, người kế tục và cổ súy xuất sắc tư tưởng của Khổng Tử, đã phải lo lắng thốt lên rằng: “Ngày nay những kẻ nói đạo trong thiên hạ chẳng theo về với họ Dương (tức Dương Chu, thuộc phái Đạo gia) thì cũng theo về với họ Mặc... Thuyết của họ Dương và họ Mặc mà không tắt thì đạo của Khổng Tử chẳng được sáng tỏ” (*Mạnh Tử*, Đàng Văn Công hạ). Hàn Phi Tử, đại biểu xuất sắc của Pháp gia nhận định: “Những học giả nổi tiếng trên đời, thì có bọn Nho và bọn Mặc. Bọn Nho cao nhất là Khổng Khâu,

bọn Mặc cao nhất là Mặc Định”(9). Đội ngũ học trò Mặc Tử có đức hạnh và lòng quả cảm, sẵn sàng nhảy vào lửa, đạp chân lên lưỡi dao, chết mà không quay gót, xả thân vì nghĩa. Tại sao Mặc gia có thể nổi tiếng và ảnh hưởng đến vậy? Lý do đơn giản là, chủ thuyết “kiêm ái” đã mang trong mình những giá trị nhân bản sâu sắc, mang hoài vọng của đông đảo nhân dân tầng lớp dưới của xã hội Trung Quốc lúc bấy giờ. “Kiêm ái” đã lấy tình yêu thương để thức tỉnh lương tri, xoa dịu lòng người, phản đối bạo lực phi nghĩa, tranh đoạt nhau tàn khốc...

Kiêm ái – tình yêu thương giữa con người, đồng loại với nhau là một chân lý trường tồn trong xã hội. Tình yêu thương con người chính là gốc rễ của đức và đức lấy đó làm kế sách lâu dài để cảm biến lòng người, thấu phục nhân tâm, hóa giải hận thù tranh đoạt nhau. Đó chính là ý nghĩa nhân bản và tiến bộ của thuyết “kiêm ái”.

Tất nhiên, cả Trung Hoa cổ đại và nhân loại ngày nay đều cần đến “kiêm ái”, nhưng xét trong toàn cục lịch sử tư tưởng Trung Quốc thì vị thế Mặc học quá ư mờ nhạt là một thực tế. Nguyên do rất đơn giản, đó là lý tưởng “kiêm ái” thiếu thuyết phục, mang tính phi giai cấp, không thiết thực, không tưởng. Khi thiên hạ đã từ công hữu sang tư hữu, xã hội phân hoá thứ bậc quý - tiện, sang - hèn; của cải và quyền lực dồn tụ vào trong tay

(8) Ngô Tất Tố. *Mặc Tử*. Sđd., tr.96.

(9) Hàn Phi. *Hàn Phi Tử*, (Phan Ngọc dịch). Nxb Văn học, Hà Nội, 2005, tr.560.

một thiếu số người là không thể nào ngăn cản được, thì làm sao có thể thực hành "kiêm ái", làm sao bậc vương công, quý tộc có thể quý trọng, yêu thương đám tiện dân như chính bản thân mình được? Chắc chắn là rất khó, khó như xách núi Thái Sơn nhảy qua sông Hoàng, sông Tế; khó như sức cày của một nông dân làm sao cứu đói được thiên hạ; khó như sức dệt của một người đàn bà làm sao cứu được rét cho thiên hạ; khó như chính mỗi một Mạc Tử cố gắng làm việc nghĩa để cứu đói cho cả thiên hạ bất nghĩa... Hoặc tỷ như, cố gắng của Mạc Tử đâu có giúp cho các bậc thánh vương đặt thành "luật kiêm ái" đi chăng nữa thì cũng chỉ có thể là những điều luật nằm trên giấy mà thôi trong bối cảnh bấy giờ(10). Khi xã hội đã xuất hiện tư hữu thì nó đồng thời tiềm ẩn và phát sinh sự tranh đoạt nhau, đó là điều tất yếu. Do vậy, chỉ với "kiêm ái", Mạc Tử khó có thể "phi công – phản đối chiến tranh". Có thể nói, học thuyết "kiêm ái" của Mạc Tử chỉ là giải pháp cho phần ngọn, chứ không cho phần gốc.

Không chỉ có vậy, do "kiêm ái" cũng như Mạc học không dung nạp vào bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị, nên trong suốt thời kỳ chuyên chế, chúng luôn bị cấm đoán, bài xích; bị cho là "quái dị", "phi thánh vô pháp"... Ngay cả "kiêm ái" cũng bị xem là tội trạng lớn, tội bất trung, bất hiếu. Á thánh Mạnh Tử với phong thái tao nhã, dung dị, song cũng cho rằng: "Dương Chu, Mạc Dịch ăn nói bừa bãi, thiên hạ thường nghe theo Dương Chu hoặc Mạc Dịch, thuyết vị ngã của Dương Chu còn biết đến quân vương,

thuyết kiêm ái của Mạc Dịch không còn biết đến thân phụ nữa, kẻ vô quân vô phụ chính là cầm thú vậy". Sự thật, trong chế độ phong kiến chuyên chế, dưới nhãn quan của giai cấp thống trị thì chỉ có vương Đạo, còn dân làm gì có đạo. Do đó, dân Đạo của Mạc Tử không những không là công cụ tinh thần đắc lực cho các thế lực thống trị đương thời, trở nên lạc điệu, không hợp tiết tấu với mọi triều đại chuyên chế, mà thậm chí còn trở nên nguy hiểm(11), nên không những chưa bao giờ trở thành tư tưởng chính thống mà Mạc đạo còn luôn bị phỉ báng là tà đạo, Mạc tặc hoặc Mạc phỉ(12). Đó có lẽ là nguyên nhân chính khiến cho Mạc học sớm bị lu mờ và đi vào quên lãng. Một sự quên lãng tàn nhẫn đến nỗi người đời không còn lưu tâm chính xác đến năm sinh, năm mất và nơi ông sinh ra(13).

(10) Xem: Vũ Tinh. *Đạo đức học phương đông cổ đại*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.132.

(11) Tư tưởng dân chủ và phản kháng của Mạc Tử ít nhiều được quần chúng tiếp thu, tạo thành chỗ dựa lý luận cho sự phản kháng của quần chúng bị áp bức, trở thành "nguy hiểm" đối với giai cấp thống trị.

(12) Phạm Quynh. *Bách gia chư tử giản thuật*, (Nguyễn Quốc Thái dịch). Nxb Văn hoá thông tin, tr.571.

(13) Xem: Ngô Tất Tố. *Mạc Tử*. Sđd., tr.13-20. Sử gia vĩ đại Trung Quốc Tư Mã Thiên chỉ chép ngắn gọn: "Mạc Dịch là đại phu nước Tống... Có người bảo Mạc Dịch đồng thời với Khổng Tử, có người bảo sau Khổng Tử" (Tư Mã Thiên. *Sử ký*. Nxb Văn học, Hà Nội, 1998, tr.439). Hầu như không có sử liệu nào chép về nguyên quán, năm sinh, năm mất của Mạc Tử. Trên cơ sở tổng hợp, phân tích và suy luận từ các tài liệu có liên quan đến ông, giới nghiên cứu sau này đa phần thống nhất Mạc Tử là người nước Lỗ, sinh và mất trong khoảng thời gian 478-392 trước CN.

* * *

Trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay, bên cạnh những thành tựu lớn, mặt trái của kinh tế thị trường ngày càng bộc lộ rõ rõ và ảnh hưởng nghiêm trọng đến đạo đức xã hội, gây cản trở sự phát triển kinh tế – xã hội bền vững cũng như sự hình thành, phát triển các chuẩn mực đạo đức mới xã hội chủ nghĩa mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đang hướng đến. Theo chúng tôi, thuyết “kiêm ái” của Mặc Tử có những giá trị nhất định có thể góp phần vào việc khắc phục mặt trái về đạo đức xã hội của nền kinh tế thị trường. Bởi, nó có những giá trị gần gũi với những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc ta, như tinh thần tương thân, tương ái, vị tha, khoan dung; v.v..

“Kiêm ái” cũng có nghĩa là nhân nghĩa. Với dân tộc ta, nhân nghĩa đã trở thành truyền thống đạo lý cao thượng. Đặc biệt, tinh thần đại nghĩa của dân tộc ta đã khiến cho bạn bè năm châu kính phục, cảm hoá được những kẻ thù hung ác nhất, giúp “ăn năn hối lỗi”, “cải tà quy chánh” những người lầm đường lạc lối. Rõ ràng, từ lòng vị tha, khoan dung trong cư xử của mỗi con người Việt Nam đến chính sách khoan hồng của Đảng ta đều ẩn chứa nội dung của “kiêm ái”.

“Kiêm ái” với giá trị nhân nghĩa của nó còn có ý nghĩa lớn trong bối cảnh phát triển kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế. Không thể phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa một cách bền vững nếu nó không được đặt

trên cái gốc của đạo đức, của nhân nghĩa. Phát triển kinh tế bền vững phải gắn liền với tiến bộ xã hội, văn minh cho con người và cho cả nhân loại, chứ không thể phát triển kinh tế bằng mọi giá, bất chấp tất cả, đánh đổi cả nhân nghĩa, tình yêu thương con người. Phát triển phải mang ý nghĩa nhân văn, đó mới là ý nghĩa tiến bộ, cao cả của nó, phát triển vì sự phát triển của con người và nhân loại.

“Kiêm ái” không chỉ gắn liền với vấn đề nhân nghĩa, mà còn gắn liền với vấn đề lợi, công lợi. Nội dung này của học thuyết “kiêm ái” cũng có những giá trị nhất định đối với sự phát triển nền kinh tế thị trường trong bối cảnh hội nhập quốc tế của Việt Nam. Nguy cơ tụt hậu về kinh tế đối với nước ta là rất lớn, nên thoát nghèo là một trong những mục tiêu hàng đầu của công cuộc cách mạng ở nước ta hiện nay. Nếu không hướng đến cái lợi, không vươn lên giàu mạnh về kinh tế để sánh vai với các cường quốc năm châu, thì Việt Nam sẽ khó có được sự bình đẳng, khó giữ được độc lập, tự chủ trong quá trình hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, trong nền kinh tế thị trường, cái lợi mà mỗi chủ thể kinh tế thường quan tâm hướng đến là tư lợi, lợi ích cá nhân và do đó, nhiều khi nó mâu thuẫn, đi ngược lại lợi ích dân tộc, lợi ích quốc tế. Đó không phải là cái lợi mang nội dung “kiêm ái”, càng không phải là cái lợi mang ý nghĩa phổ quát trong mục tiêu phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. □